

Bản án số: **84/2022/HS-PT**

Ngày: 22/8/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

*Các Thẩm phán:*

Bà **Nguyễn Thị Cảnh**

Bà **Dương Thị Hồng Minh**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lại Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2022 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kết nối với điểm cầu Trại tạm giam Hòa Sơn, Công an thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2022/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo Trần Như Hoàng B, Võ Thiện K do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**1. TRẦN NHƯ HOÀNG B, (R);** Sinh ngày: 25/02/1991 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: K76/31C đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kinh doanh online; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Như Thảo N và bà Tôn Nữ Bạch N (*Đều còn sống*); sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị Xuân H (*chưa đăng ký kết hôn*) và có 01 con chung sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam lần thứ nhất (*từ ngày 26/12/2019 đến ngày 03/02/2021*), bị bắt tạm giam lại 07/6/2021. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa điểm cầu Trại tạm giam Hòa Sơn, Công an thành phố Đà Nẵng.

**2. VÕ THIỆN K;** Sinh ngày: 23/5/1998 tại Quảng Nam; Nơi ĐKNKTT: Thôn C, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú trước khi bị bắt: Số 120/3 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Đ và bà Trần Thị Hồng C (*Đều còn sống*); chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam lần thứ nhất (*từ ngày 26/12/2019 đến ngày 26/12/2020*), bị bắt tạm giam lại ngày 07/6/2021. Có mặt tại phiên tòa điểm cầu Trại tạm giam Hòa Sơn, Công an thành phố Đà Nẵng.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Võ Thiện K:* Luật sư **Trần Tuấn L**- Thuộc đoàn luật sư TP Đà Nẵng theo yêu cầu của gia đình và bị cáo. Luật sư Lợi có mặt tại phiên tòa điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ 50 phút ngày 26/12/2019, tại phòng số 901 khách sạn M, địa chỉ số 50 đường P, P. M, Q. N, TP. Đà Nẵng, Cơ quan CSĐT Công an TP. Đà Nẵng bắt quả tang Trần Như Hoàng B và Võ Thiện K đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ được của các bị cáo: 01(*một*) gói nylon có kích thước (4x7cm) bên trong có chứa 3,5 viên nén màu vàng (**ký hiệu C**) và một số tang vật khác gồm: 02 (*hai*) điện thoại di động; 02 (*hai*) xe mô tô (*có BKS số: 43C1-4314602 và 43K1-06754*); 02 CMND số: 201638927 và số 206081897, mang tên Trần Như Hoàng B và Võ Thiện K; 01(*một*) thẻ visa techcombank mang tên Trần Như Hoàng B; 01(*một*) Giấy phép lái xe số: 49016008456 mang tên Võ Thiện K; 01(*một*) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 43K1-067.54 mang tên Đặng Công T và số tiền 3.000.000đ (*trong đó của Bảo 2.000.000đ và của K 1.000.000đ*). Ngoài ra, trong lúc kiểm tra tại Phòng số 901 còn có Trần Thị Hồng L và Phan Thị Thái T.

\* Tại Kết luận giám định số 19 ngày 31/12/2019 của Phòng KTHS - CATP Đà Nẵng: Viên nén màu vàng trong mẫu ký hiệu C gửi giám định là ma túy, loại MDMA và Methamphetamine; khối lượng mẫu **C: 1,715 gam**.

Tiến hành kiểm tra nhanh ma túy: Trần Như Hoàng B, Võ Thiện K, Trần Thị Hồng L và Phan Thị Thái T dương tính với ma túy tổng hợp thuốc lắc và Ketamine. Đồng thời xác định tình trạng nghiện đối với B, K, L, T thuộc đối tượng nghiện nhưng không nằm trong danh sách đối tượng đang cai nghiện hoặc quản lý sau cai nghiện tại địa phương.

Qua điều tra, Trần Như Hoàng B và Võ Thiện K khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 25/12/2019, sau khi nhậu tại quán Toxic đường TVT, Q. HC, TP. Đà Nẵng, Trần Như Hoàng B rủ Võ Thiện K, Trần Thị Hồng L và Phan Thị Thái T đến khách sạn M địa chỉ số 50 đường P, P. M, Q. N, TP. Đà Nẵng sử dụng ma túy thì K, L và T đồng ý. L và T bắt xe grab (*không nhớ BKS*), còn B, K đi bằng 02 xe mô tô của B và K đến khách sạn M địa chỉ số 50 đường P, P. M, Q. N, TP. Đà Nẵng. Lúc này, B trực tiếp thuê phòng số 901 (*bên trong phòng 901 có phòng 902 và 903*) để cả nhóm sử dụng ma túy. Sau đó, L và T lên phòng trước, còn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SH 150i BKS 43C1-431.46 của B chở K đi mua ma túy. Trên đường đi, B sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone sim số 0905690\*\*\* gọi đến số 0702482\*\*\* của nam thanh niên (*không rõ lai lịch*) hỏi mua 10 (*mười*) viên thuốc lắc và 01 (*một*) chỉ Ketamine thì nam thanh niên đồng ý bán với giá 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng*), hẹn giao dịch tại khu vực cầu T, đầu đường L, quận N, TP. Đà Nẵng; đồng thời B chở K đến trạm ATM đường N để B rút tiền, đưa cho K 6.500.000đ (*Sáu triệu năm trăm ngàn đồng*) rồi cùng nhau đến điểm hẹn. Tại đây, K cầm tiền đưa cho nam thanh niên và nhận 10 (*mười*) viên ma túy thuốc lắc, 01 (*một*) chỉ Ketamine. Sau đó, B chở K về khách sạn M, K để ma túy trên bàn gỗ trong phòng số 901, ai thích sử dụng thì tự đến lấy. Sau đó, cả nhóm bị bắt quả tang như đã nêu trên.

Quá trình truy tố, xét xử sơ thẩm Trần Như Hoàng B và Võ Thiện K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với lời khai của Trần Thị Hồng L, Phan Thị Thái T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra lại, Trần Như Hoàng B và Võ Thiện K thay đổi lời khai về việc người khởi xướng sử dụng ma túy là Trần Thị Hồng L và là người chở T, L từ quán nhậu T đến khách sạn M. Tuy nhiên, Cơ quan CSĐT Công an quận NHS, TP. Đà Nẵng đã tiến hành lấy lời khai của Trần Thị Hồng L, Phan Thị Thái T và cho B đối chất với L nhưng không đủ cơ sở để chứng minh Trần Thị Hồng L là người rủ cả nhóm sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 17/5/2022 của Tòa án nhân dân quận NHS, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- *Về tội danh*: Tuyên bố các bị cáo Trần Như Hoàng B và Võ Thiện K phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- *Về hình phạt*:

+ *Căn cứ*: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

*Xử phạt*: Bị cáo Trần Như Hoàng B 07 (*bảy*) năm tù, được trừ đi 01(*một*) năm 01(*một*) tháng, 08 (*tám*) ngày tù đã chấp hành hình phạt trước đây, buộc bị cáo phải tiếp tục chấp hành thời hạn tù là 05 (*năm*) năm, 10 (*mười*) tháng 22 (*hai mươi hai*) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/6/2021.

+ *Căn cứ*: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

*Xử phạt*: Bị cáo Võ Thiện K 07 (*bảy*) năm tù, được trừ đi 01(*một*) năm đã chấp hành hình phạt trước đây, buộc bị cáo phải tiếp tục chấp hành thời hạn là 06 (*Sáu*) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/6/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo bản án.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 các bị cáo Trần Như Hoàng B và Võ Thiện K có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm*:

Các bị cáo Trần Như Hoàng B và Võ Thiện K khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như án sơ thẩm đã kết luận và giữ nguyên nội dung kháng cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già, các bị cáo là lao động chính trong gia đình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

*Về thủ tục*: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định, nên đảm bảo hợp lệ.

*Về nội dung*: Xét thấy, các bị cáo B, K cùng có hành vi đi mua 10 (*mười*) viên ma túy thuốc lắc và 01(*một*) chỉ ketamine của một nam thanh niên (*không rõ lai lịch*) với giá 6.500.000đ (*Sáu triệu, năm trăm ngàn đồng*), sau đó mang về phòng 901 khách sạn M số 50 đường P, P. M, Q. N, TP.Đà Nẵng do bị cáo B thuê nhằm mục đích tổ chức cho Trần Thị Hồng L và Phan Thị Thái T cùng sử dụng trái

phép chất ma túy, thì bị Phòng CSĐT TP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phối hợp cùng với Công an quận NHS kiểm tra phát hiện bắt quả tang vào 07 giờ 50 ngày 26/12/2019, thu giữ vật chứng là ma túy. Theo kết luận giám định số ma túy các bị cáo sử dụng chưa hết còn lại là: 1,715 gam (*loại MDMA và Methamphetamine*), với hành vi trên của các bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2022/HS-ST ngày 03/3/2022 của Tòa án nhân dân quận NHS, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt 07 (*bảy*) năm tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư Trần Tuấn L, người bào chữa cho bị cáo K có quan điểm luận cứ bào chữa như sau: Thống nhất về tội danh, điểm, khoản điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo K; Tuy nhiên, luật sư cho rằng về mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo K là nghiêm khắc, bởi lẽ trong vụ án này bị cáo K tham gia với vai trò đồng phạm cùng với bị cáo B trong việc cùng đi mua ma túy mang về phòng sử dụng, bị cáo K không phải là người khởi xướng và cũng không góp tiền mua ma túy, nên vai trò của K tham gia có mức độ, tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem đến tính chất của đồng phạm của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt cho từng bị cáo là không phù hợp với quy định tại Điều 58 BLHS; Mặt khác, về phía gia đình bị cáo thì cha, mẹ ly hôn, sau khi ly hôn 03 người con chung do cha nuôi dưỡng (*trong đó có bị cáo*), trước khi vướng vào vòng lao lý bị cáo đang là sinh viên học tại Trường đại học sư phạm Đà Nẵng, nhưng chỉ vì một chút thiếu suy nghĩ dẫn đến việc phạm tội khi đang học đại học, vì vậy, sau khi chấp hành xong 01 năm tù của (*Bản án số: 24/2020/HS-ST ngày 11/5/2020*), bị cáo về lại địa phương xin được tiếp tục theo học đại học trong thời gian tạm dừng tiến độ học tập (*theo QĐ số: 347/QĐ-ĐHSP ngày 11/3/2020 của Hiệu trưởng trường ĐHSP- ĐHQĐN*), tuy nhiên, do bị cáo bị bắt tạm giam lại nên không thực hiện được; hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện tại khó khăn, do đó, luật sư đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết này cho bị cáo, qua đó đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, nhằm thể hiện tính nhân đạo pháp luật XHCN.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trần Như Hoàng B và Võ Thiện K thừa nhận khoảng 23 giờ ngày 25/12/2019 các bị cáo có cùng với Trần Thị Hồng L và Phan Thị Thái T đến phòng 901 khách sạn M số 50 đường P, P. M, Q. N, TP. Đà Nẵng (*do bị cáo B thuê*) để sử dụng trái phép chất ma túy, sau đó ngủ lại qua đêm đến 07 giờ 50 ngày 26/12/2019 thì bị Phòng CSĐT TP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phối hợp cùng với Công an quận N kiểm tra hành chính phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng là ma túy các bị cáo mua về nhưng sử dụng chưa hết. Vì vậy, các bị cáo thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là đúng pháp luật; Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng mức hình phạt 07 (*bảy*) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc, hiện tại hoàn cảnh gia đình của các bị cáo quá khó khăn, là lao động chính trong gia đình, cha mẹ già yếu, xin HĐXX xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, để các bị cáo có thời gian cải tạo tốt, sớm được đoàn tụ với gia đình.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội để cải tạo giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng để qua đó xử phạt mỗi bị cáo 07 năm tù là ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, không nặng. Mặc dù, tại cấp phúc thẩm gia đình bị cáo B có đơn xin giảm nhẹ hình phạt (*kèm theo tài liệu, chứng cứ có vợ đã tổ chức lễ cưới nhưng chưa ĐKKH và có 01 con chung sinh năm 2022, bị bệnh tim mạch bẩm sinh*); và việc luật sư đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS được HĐXX chấp nhận, tuy nhiên, về những nội dung này cũng không thể làm thay đổi về mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với các bị cáo; Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa là phù hợp.

Do không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo nên ý kiến đề nghị của Luật sư L người bào chữa cho bị cáo K tại phiên tòa HĐXX không chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

\* Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Như Hoàng B và Võ Thiện K; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

**2.** Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

**2.1. Xử phạt:** Bị cáo **Trần Như Hoàng B: 07 (bảy)** năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, nhưng được trừ đi 01 (một) năm, 01 (một) tháng; 08 ngày tù bị cáo đã chấp hành hình phạt trước đây (*theo quyết định của bản án số: 24/2020/HS-ST ngày 11/5/2020*). Thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại là: **05 (năm) năm, 10 (mười) tháng, 22 (hai hai) ngày** tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2021.

**2.2. Xử phạt:** Bị cáo **Võ Thiện K: 07 (bảy)** năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, nhưng được trừ đi 01 (một) năm bị cáo đã chấp hành trước đây (*theo quyết định bản án số: 24/2020/HS-ST ngày 11/5/2020*). Thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại là: **06 (sáu) năm** tính từ ngày bắt tạm giam 07/6/2021.

**3. Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Công an quận Ngũ Hành Sơn;
- PV27; PC81 Công an TP. Đà Nẵng;
- TAND quận Ngũ Hành Sơn;
- THA DS quận Ngũ Hành Sơn;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Vĩnh Chuyển**



